

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2018

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

2. Bà Nguyễn Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, về việc *“Tranh chấp ly hôn, con chung”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22 /2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị Hồ Thị Thúy K, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày: Anh và chị Hồ Thị Thúy K xây dựng hôn nhân năm 1996, thời gian chung sống khoảng 08 năm nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị K có 02 con chung tên Đặng Thị Hồng Q, sinh năm 1998 và Đặng Văn B, sinh ngày 06/6/2000. Quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau này không hợp, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Nay anh xét thấy không thể sống chung với nhau được, yêu cầu ly hôn với chị K, con chung Đặng Thị Hồng Q đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không yêu cầu gì. Còn Đặng Văn B anh xin nhận nuôi, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/03/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Hồ Thị Thúy K trình bày: Chị Thống nhất theo lời trình bày của anh T về thời gian thành hôn, con chung tài sản chung, nợ chung. Trong quá trình chung sống chị xác định vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau, anh T sống ở với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Con chung Đặng Văn B chị yêu cầu được nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị Thúy K, địa chỉ ấp Mương Điều, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đặng Văn T và chị Hồ Thị Thúy K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị K. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh chị thỏa thuận là giao cháu Đặng Văn B cho chị K tiếp tục nuôi, cháu Đặng Văn B cũng có nguyện vọng sống với chị K nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng chị Phương đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng nên khấu trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Văn T.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận anh Đặng Văn T và chị Hồ Thị Thúy K là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đặng Văn B, sinh ngày 06/6/2000 cho chị Hồ Thị Thúy K nuôi dưỡng, anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Anh Đặng Văn T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) anh Đặng Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0014461 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong